Thúc đẩy tài chính toàn diện thông qua giải pháp công nghệ tài chính và một số khuyến nghị cho Việt Nam

TRẦN HOÀNG MINH*
ĐOÀN ANH TUẤN**

Việt Nam là quốc gia có hệ sinh thái công nghệ tài chính (Fintech) non trẻ, nhưng đang ngày càng phát triển mạnh mẽ, từ cho vay ngân hàng, chấm điểm tín dụng tới thanh toán di động... Việc sử dụng giải pháp Fintech để thúc đẩy tài chính toàn diện ở nước ta là phù hợp với bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0. Bài viết chỉ ra những cơ hội, thách thức của Fintech, từ đó đưa ra một số khuyến nghị, giải pháp để phát triển Fintech nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện ở Việt Nam.

VAI TRÒ CỦA FINTECH TRONG VIỆC THÚC ĐẨY TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN

Tài chính toàn diện có nghĩa là việc các cá nhân và doanh nghiệp có thể tiếp cận và sử dụng các sản phẩm và dịch vụ tài chính - các giao dịch, thanh toán, tiết kiệm, tín dụng và bảo hiểm - đáp ứng nhu cầu của họ và có mức chi phí hợp lý, được cung cấp theo một cách thức có trách nhiệm và bền vững. Theo Leyshon (1995), tài chính toàn diện để cập đến các quy trình nhằm phục vụ cá nhân hay nhóm xã hội nhất định tiếp cận được với hệ thống tài chính chính thức. Tương tự như vậy, Carbó và cộng sự (2005) cũng xác định, tài chính toàn diện là khả năng mà một số nhóm xã hội có thể truy cập vào hệ thống tài chính. Tại Việt Nam, Viện Chiến lược ngân hàng (2017) cho rằng, tài chính toàn diện đề cập đến việc mọi người dân và doanh nghiệp được tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính một cách thuận tiện, phù hợp nhu cầu với chi phí hợp lý do các tổ chức tài chính cung cấp một cách có trách nhiệm và bền vững, trong đó chú trọng đến nhóm người nghèo, người thu nhập thấp, người yếu thế, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ. Như vậy, có thể khái quát lại rằng, tài chính toàn diện là tất cả việc cung cấp các dịch vụ tài chính chính thức (thông qua các hình thức như: thanh toán, chuyển tiền, tiết kiệm, tín dụng, bảo hiểm) một cách thuận tiện, phù hợp với nhu cầu và với chi phí hợp lý tới tất cả người dân. Tài chính toàn diện không chỉ giới hạn trong việc cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng, mà bao gồm cả nâng cao hiểu biết về tài chính cho người dân và bảo vệ người tiêu dùng.

Fintech là việc áp dụng công nghệ mới và đổi mới, cạnh tranh với các phương pháp tài chính truyền thống trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính (Tom C. W. Lin, 2016) nhằm làm cho các dịch vụ tài chính dễ tiếp cận hơn với công chúng, chẳng hạn như việc sử dụng điện thoại thông minh cho dịch vụ ngân hàng di động, dịch vụ đầu tư và tiền mã hóa...

Fintech đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tài chính toàn diện. Với những ưu thế về đổi mới sáng tạo và khả năng ứng dụng công nghệ linh hoạt, hiệu quả, Fintech không những giúp giảm chi phí, mà còn mở rộng khả năng tiếp cận nguồn tài chính cho nhiều đối tượng khách hàng. Nguyen Kim Anh (2017) đã khẳng định rằng, do được phát triển trên nền tảng hệ thống công nghệ thông tin và viễn thông, không cần mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch, mà Fintech thu hút được một lượng lớn khách hàng, đặc biệt là người dân sống ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa và hải đảo vốn không có tài khoản ngân hàng, là những đối tượng khách hàng mà các ngân hàng, tổ chức tài chính truyền thống không hướng tới.

* ThS., ** ThS., Học viện Chính sách và Phát triển

Nguyễn Thị Hòa (2017) cũng nhận định, thông qua giải pháp Fintech với những ưu thế về đổi mới sáng tạo và khả năng ứng dụng công nghệ linh hoạt và hiệu quả, mà mọi cá nhân và tổ chức trong nền kinh tế có thể tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính phù hợp với chi phí hợp lý; trong đó, chú trọng đối với các nhóm dân cư hiện chưa được tiếp cận dịch vụ, như: người nghèo, người dân sống ở nông thôn, vùng sâu vùng xa, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đồng thời, nâng cao chất lượng dịch vụ, thu hút và thúc đẩy các nhóm cá nhân, doanh nghiệp đã tiếp cận dịch vụ tài chính có thể sử dụng nhiều dịch vụ hơn, đáp ứng đầy đủ nhu cầu.

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN FINTECH TẠI VIỆT NAM

Việc ứng dụng Fintech tại Việt Nam tuy còn đang trong giai đoạn khởi đầu, nhưng đã có những bước phát triển nhanh chóng, thể hiện qua số lượng các công ty Fintech đã tăng gần bốn lần trong 3 năm, từ 40 công ty năm 2016 tăng lên gần 150 công ty tính đến tháng 6/2019 (Trịnh Ngọc Lan, 2019). Nếu như năm 2016, Fintech mới chỉ tập trung vào lĩnh vực thanh toán, thì đến nay, các doanh nghiệp Fintech đã mở rộng hoạt động sang nhiều lĩnh vực khác, bao gồm: (1) Thanh toán với các công cụ, như: Moca, Payoo, VinaPay, Momo... hoặc cung ứng giải pháp thanh toán kỹ thuật số POS/mPOS4, như: Hottab, SoftPay; (2) Gọi vốn, với các công ty cung cấp nền tảng gọi vốn, như: FundStart, Comicola, Betado hay FirstSetp...; (3) Cho vay trực tuyến, như: LoanVi, Timal; (4) Quản lý tài chính cá nhân, như: BankGo, Moneylover, Mobivi; (5) Quản lý dữ liệu, như: Trusting, Social, Circle Bii; (6) Chuyển tiền, như: Matchmovie, Cash2vn; (7) Blockchain, như: Bitcoin Vietnam, VBTC Bitcoin.

Mặc dù doanh nghiệp Fintech đã phát triển sang nhiều mảng hoạt động kinh doanh khác nhau, nhưng lĩnh vực thanh toán vẫn là chủ đạo và chiếm thị phần lớn. Tính đến tháng 6/2019, có 30 tổ chức không phải ngân hàng (bao gồm công ty Fintech và tổ chức tài chính không phải ngân hàng) đã được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép hoạt động trong cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (trong đó có 27 tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử). Đặc biệt, trong thời kỳ Cách mạng Công nghiệp 4.0, thanh toán di động đã trở thành xu hướng phát triển vượt bậc với các công nghệ, như: mã QR, tiếp xúc trường gần (NFC), số hóa thông tin thẻ, ví điện tử...

Trước xu thế phát triển mạnh mẽ của Fintech trên thế giới cũng như ở Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước đã chủ động tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Fintech gia nhập thị trường. Ngày 16/3/2017, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 328/QĐ-NHNN về việc thành lập Ban Chỉ đạo Fintech; trong đó, quy định cụ thể nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo là hoàn thiện hệ sinh thái Fintech tại Việt Nam, bao gồm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho việc hình thành và hoạt động của các công ty Fintech trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam. Theo Báo cáo kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Fintech, qua hai năm thực hiện 2018 và 2019, Ban Chỉ đạo đã có nhiều hoạt động, như: tổ chức cuộc thi sáng tạo Fintech Việt Nam, tổ chức các chuyên đề nghiên cứu chuyên sâu, đồng thời, nghiên cứu, hoàn thiện Đề án xây dựng cơ chế quản lý thực nghiệm hoạt động Fintech trong lĩnh vực ngân hàng (Regulatory Sandbox) tại Việt Nam.

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC KHI PHÁT TRIỂN FINTECH NHẰM THÚC ĐẨY TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN TẠI VIỆT NAM

Cơ hội

Hiện nay, Việt Nam đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng. Theo báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2019), Việt Nam có trên 95 triệu dân, trong đó, 64,9% dân số dưới 35 tuổi - đây là nhóm tuổi tiếp cận và thích nghi nhanh với những tiến bộ về công nghệ. Hơn nữa, khoảng 67% dân số Việt Nam hiện đang sinh sống tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, đa phần không có tài khoản ngân hàng, cũng như đang gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận với các dịch vụ tài chính - ngân hàng. Điều này cho thấy thị trường cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tài chính, đặc biệt là ở khu vực nông thôn Việt Nam còn rất hứa hẹn.

Một cơ hội nữa để thị trường Fintech phát triển đó là kết cấu hạ tầng viễn thông ngày càng được đầu tư, phát triển hoàn thiện. Hệ thống mạng điện thoại di động 3G/4G phủ khắp cả nước với ba nhà mạng lớn trên thị trường là Viettel, Mobiphone và Vinaphone. Ngoài ra, theo Báo cáo về hoàn thiện hệ sinh thái Fintech Việt Nam của Ban Chỉ đạo Fintech (2018), Việt Nam có khoảng 51 triệu người sử dụng điện thoại thông minh và khoảng 50 triệu người sử dụng internet. Như vậy, với cơ cấu dân số trẻ và tỷ lệ dùng điện thoại di động, internet cao, Việt Nam là thị trường nhiều tiềm năng cho lĩnh vực Fintech.

Bên cạnh đó là khoảng trống thị trường rất rộng, được thể hiện thông qua tỷ lệ người dân trên 15 tuổi sử dụng các dịch vụ ngân hàng hiện nay tại Việt Nam. Cụ thể, mặc dù tỷ lệ người dân Việt Nam có tài khoản ngân hàng là 31%, tuy nhiên tỷ lệ người dân trên 15 tuổi có thẻ tín dụng mới chỉ đạt 4,1%, tỷ lệ người dân sử dụng các giao dịch

chuyển và nhận tiền qua điện thoại mới khoảng 3,5%, tỷ lệ người dân mua hàng trực tuyến và thực hiện thanh toán các hóa đơn trực tuyến là 21% (Hình). Hơn nữa, mặc dù tỷ lệ người trưởng thành ở Việt Nam sở hữu tài khoản ngân hàng chiếm 59% dân số, nhưng khi so sánh với các nước khác trong khu vực, thì tỷ lệ này vẫn thấp hơn. Ví dụ: ở Thái Lan, tỷ lệ này chiếm 86%, còn ở Malaysia là 92% (Solidiance, 2018). Số lượng chi nhánh ngân hàng thương mại tại Việt Nam cũng ở mức thấp trong khu vực. Ngoài ra, theo báo cáo của Solidiance (2018), thị trường Fintech Việt Nam đạt 4,4 tỷ USD vào năm 2017, ước tính sẽ phát triển và đạt 7,8 tỷ USD vào năm 2020. Như vậy, có thể thấy, vẫn còn một khoảng trống thị trường lớn dành cho sự phát triển của các công ty Fintech cũng như các tổ chức tài chính. Đây chính là cơ hội để Việt Nam tận dụng Fintech nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện, từ đó thu hút thêm được nhiều người dùng, đặc biệt là ứng dụng Fintech trong lĩnh vực thanh toán không dùng tiền mặt.

Thách thức

Song song với cơ hội, thì những thách thức đặt ra đối với Fintech tại thị trường Việt Nam cũng không hề ít. Cụ thể như sau:

Một là, khung khổ pháp lý hiện chưa đầy đủ và đồng bộ để tạo điều kiện cho Fintech phát triển.

Chính sách phát triển Fintech thông qua các chương trình, đề án có ý nghĩa rất quan trọng đối với phát triển kinh tế nói chung và phát triển Fintech nói riêng. Tuy vậy, khung khổ pháp lý về cơ bản mới chỉ đáp ứng được một phần cho lĩnh vực công nghệ tài chính trong hoạt động thanh toán, còn đối với các lĩnh vực tài chính khác, thì vẫn chưa đầy đủ và thiếu đồng bộ. Cụ thể, thể chế quản lý hoạt động Fintech chưa được đề cập tại bất kỳ văn bản pháp lý cụ thể nào của Nhà nước; chưa có quy định cụ thể về đơn vị chuyên trách đảm nhiệm việc hỗ trợ, xử lý các vấn đề liên quan tới hoạt động Fintech. Các quy định pháp lý hiện hành liên quan tới hoạt động nghiệp vụ của các tổ chức tín dụng chưa cho phép việc áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, đặc biệt là trong lĩnh vực thanh toán.

Hai là, số lượng các doanh nghiệp tham gia vào Fintech chưa nhiều.

Các doanh nghiệp Fintech tại Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn khởi đầu.

HÌNH: TỶ LỆ DÂN SỐ TRÊN 15 TUỔI SỞ HỮU HOẶC SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

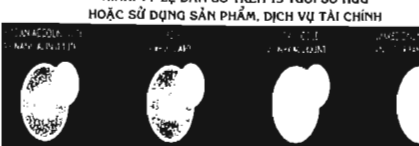

Nguồn: WeAreSocial và Hootsuit

Hoạt động của Fintech chủ yếu là hoạt động thanh toán. Các dịch vụ tài chính khác, như: quản lý tài sản, quản lý thanh khoản, quản lý danh tính, quản lý đầu tư, quản lý rủi ro, quản lý kinh doanh; bảo hiểm, bảo lãnh phát hành dịch vụ tư vấn tài chính tự động... chưa phát triển mạnh mẽ để đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Ba là, ý thức tiêu dùng sản phẩm Fintech của người dân còn hạn chế cả về thói quen cũng như hiểu biết.

Việc sử dụng tiền mặt trong các giao dịch hàng ngày đã ăn sâu vào tiềm thức và trở thành thói quen của người dân Việt Nam. Do vậy, việc thay đổi thói quen này là một khó khăn không hề nhỏ đối với các doanh nghiệp Fintech.

Hơn nữa, người dân lại chưa có ý thức cao trong việc bảo mật những thông tin quan trọng của bản thân trong quá trình sử dụng dịch vụ. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khách hàng cũng như các tổ chức tài chính cung cấp các dịch vụ Fintech. Đó là chưa kể, việc bảo mật dữ liệu người dùng, đảm bảo an ninh, an toàn cho hệ thống vẫn là những thách thức thường trực đối với các tổ chức tài chính. Các sản phẩm, dịch vụ ngày càng số hóa, người dùng ngày càng sử dụng thiết bị số, kết nối liên tục, đa kênh, đa phương tiện chính là môi trường thuận lợi để tội phạm sử dụng công nghệ cao, tin tặc, kẻ xấu khai thác các yếu điểm, từ đó thực hiện các hành vi gian lận nhằm trục lợi người dùng và xâm nhập hệ thống.

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP

Trên cơ sở phân tích thực trạng, đồng thời chỉ ra những cơ hội, thách thức trong việc phát triển Fintech ở Việt Nam, nhóm tác giả đưa ra một số khuyến nghị, giải pháp nhằm ứng dụng Fintech góp phần thúc đẩy tài chính toàn diện ở Việt Nam như sau:

Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý đối với hoạt động của các công ty Fintech.

Theo đó, cần sớm ban hành khung pháp lý để điều tiết sự phát triển của các phân khúc Fintech. Cần có những nghiên cứu đánh giá về các cơ hội và thách thức mà lĩnh vực Fintech mang lại, cũng như xây dựng một hệ sinh thái Fintech hiệu quả. Đồng thời, các cơ quan quản lý cũng nên xây dựng những chương trình, hoạt động mang tính định hướng giúp các công ty khởi nghiệp, các tổ chức tín dụng chủ động tìm hiểu

Nguyễn Thị Hòa (2017) cũng nhận định, thông qua giải pháp Fintech với những ưu thế về đổi mới sáng tạo và khả năng ứng dụng công nghệ linh hoạt và hiệu quả, mà mọi cá nhân và tổ chức trong nền kinh tế có thể tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính phù hợp với chi phí hợp lý; trong đó, chú trọng đối với các nhóm dân cư hiện chưa được tiếp cận dịch vụ, như: người nghèo, người dân sống ở nông thôn, vùng sâu vùng xa, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đồng thời, nâng cao chất lượng dịch vụ, thu hút và thúc đẩy các nhóm cá nhân, doanh nghiệp đã tiếp cận dịch vụ tài chính có thể sử dụng nhiều dịch vụ hơn, đáp ứng đầy đủ nhu cầu.

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN FINTECH TẠI VIỆT NAM

Việc ứng dụng Fintech tại Việt Nam tuy còn đang trong giai đoạn khởi đầu, nhưng đã có những bước phát triển nhanh chóng, thể hiện qua số lượng các công ty Fintech đã tăng gần bốn lần trong 3 năm, từ 40 công ty năm 2016 tăng lên gần 150 công ty tính đến tháng 6/2019 (Trịnh Ngọc Lan, 2019). Nếu như năm 2016, Fintech mới chỉ tập trung vào lĩnh vực thanh toán, thì đến nay, các doanh nghiệp Fintech đã mở rộng hoạt động sang nhiều lĩnh vực khác, bao gồm: (1) Thanh toán với các công cụ, như: Moca, Payoo, VinaPay, Momo... hoặc cung ứng giải pháp thanh toán kỹ thuật số POS/mPOS4, như: Hottab, SoftPay; (2) Gọi vốn, với các công ty cung cấp nền tảng gọi vốn, như: FundStart, Comicola, Betado hay FirstSetp...; (3) Cho vay trực tuyến, như: LoanVi, Timal; (4) Quản lý tài chính cá nhân, như: BankGo, Moneylover, Mobivi; (5) Quản lý dữ liệu, như: Trusting, Social, Circle Bii; (6) Chuyển tiền, như: Matchmovie, Cash2vn; (7) Blockchain, như: Bitcoin Vietnam, VBTC Bitcoin.

Mặc dù doanh nghiệp Fintech đã phát triển sang nhiều mảng hoạt động kinh doanh khác nhau, nhưng lĩnh vực thanh toán vẫn là chủ đạo và chiếm thị phần lớn. Tính đến tháng 6/2019, có 30 tổ chức không phải ngân hàng (bao gồm công ty Fintech và tổ chức tài chính không phải ngân hàng) đã được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép hoạt động trong cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (trong đó có 27 tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử). Đặc biệt, trong thời kỳ Cách mạng Công nghiệp 4.0, thanh toán di động đã trở thành xu hướng phát triển vượt bậc với các công nghệ, như: mã QR, tiếp xúc trường gần (NFC), số hóa thông tin thẻ, ví điện tử...

Trước xu thế phát triển mạnh mẽ của Fintech trên thế giới cũng như ở Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước đã chủ động tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Fintech gia nhập thị trường. Ngày 16/3/2017, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 328/QĐ-NHNN về việc thành lập Ban Chỉ đạo Fintech; trong đó, quy định cụ thể nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo là hoàn thiện hệ sinh thái Fintech tại Việt Nam, bao gồm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho việc hình thành và hoạt động của các công ty Fintech trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam. Theo Báo cáo kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Fintech, qua hai năm thực hiện 2018 và 2019, Ban Chỉ đạo đã có nhiều hoạt động, như: tổ chức cuộc thi sáng tạo Fintech Việt Nam, tổ chức các chuyên đề nghiên cứu chuyên sâu, đồng thời, nghiên cứu, hoàn thiện Đề án xây dựng cơ chế quản lý thực nghiệm hoạt động Fintech trong lĩnh vực ngân hàng (Regulatory Sandbox) tại Việt Nam.

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC KHI PHÁT TRIỂN FINTECH NHẰM THÚC ĐẨY TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN TẠI VIỆT NAM

Cơ hội

Hiện nay, Việt Nam đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng. Theo báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2019), Việt Nam có trên 95 triệu dân, trong đó, 64,9% dân số dưới 35 tuổi - đây là nhóm tuổi tiếp cận và thích nghi nhanh với những tiến bộ về công nghệ. Hơn nữa, khoảng 67% dân số Việt Nam hiện đang sinh sống tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, đa phần không có tài khoản ngân hàng, cũng như đang gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận với các dịch vụ tài chính - ngân hàng. Điều này cho thấy thị trường cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tài chính, đặc biệt là ở khu vực nông thôn Việt Nam còn rất hứa hẹn.

Một cơ hội nữa để thị trường Fintech phát triển đó là kết cấu hạ tầng viễn thông ngày càng được đầu tư, phát triển hoàn thiện. Hệ thống mạng điện thoại di động 3G/4G phủ khắp cả nước với ba nhà mạng lớn trên thị trường là Viettel, Mobiphone và Vinaphone. Ngoài ra, theo Báo cáo về hoàn thiện hệ sinh thái Fintech Việt Nam của Ban Chỉ đạo Fintech (2018), Việt Nam có khoảng 51 triệu người sử dụng điện thoại thông minh và khoảng 50 triệu người sử dụng internet. Như vậy, với cơ cấu dân số trẻ và tỷ lệ dùng điện thoại di động, internet cao, Việt Nam là thị trường nhiều tiềm năng cho lĩnh vực Fintech.

Bên cạnh đó là khoảng trống thị trường rất rộng, được thể hiện thông qua tỷ lệ người dân trên 15 tuổi sử dụng các dịch vụ ngân hàng hiện nay tại Việt Nam. Cụ thể, mặc dù tỷ lệ người dân Việt Nam có tài khoản ngân hàng là 31%, tuy nhiên tỷ lệ người dân trên 15 tuổi có thẻ tín dụng mới chỉ đạt 4,1%, tỷ lệ người dân sử dụng các giao dịch

chuyển và nhận tiền qua điện thoại mới khoảng 3,5%, tỷ lệ người dân mua hàng trực tuyến và thực hiện thanh toán các hóa đơn trực tuyến là 21% (Hình). Hơn nữa, mặc dù tỷ lệ người trưởng thành ở Việt Nam sở hữu tài khoản ngân hàng chiếm 59% dân số, nhưng khi so sánh với các nước khác trong khu vực, thì tỷ lệ này vẫn thấp hơn. Ví dụ: ở Thái Lan, tỷ lệ này chiếm 86%, còn ở Malaysia là 92% (Solidiance, 2018). Số lượng chi nhánh ngân hàng thương mại tại Việt Nam cũng ở mức thấp trong khu vực. Ngoài ra, theo báo cáo của Solidiance (2018), thị trường Fintech Việt Nam đạt 4,4 tỷ USD vào năm 2017, ước tính sẽ phát triển và đạt 7,8 tỷ USD vào năm 2020. Như vậy, có thể thấy, vẫn còn một khoảng trống thị trường lớn dành cho sự phát triển của các công ty Fintech cũng như các tổ chức tài chính. Đây chính là cơ hội để Việt Nam tận dụng Fintech nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện, từ đó thu hút thêm được nhiều người dùng, đặc biệt là ứng dụng Fintech trong lĩnh vực thanh toán không dùng tiền mặt.

Thách thức

Song song với cơ hội, thì những thách thức đặt ra đối với Fintech tại thị trường Việt Nam cũng không hề ít. Cụ thể như sau:

Một là, khung khổ pháp lý hiện chưa đầy đủ và đồng bộ để tạo điều kiện cho Fintech phát triển.

Chính sách phát triển Fintech thông qua các chương trình, đề án có ý nghĩa rất quan trọng đối với phát triển kinh tế nói chung và phát triển Fintech nói riêng. Tuy vậy, khung khổ pháp lý về cơ bản mới chỉ đáp ứng được một phần cho lĩnh vực công nghệ tài chính trong hoạt động thanh toán, còn đối với các lĩnh vực tài chính khác, thì vẫn chưa đầy đủ và thiếu đồng bộ. Cụ thể, thể chế quản lý hoạt động Fintech chưa được đề cập tại bất kỳ văn bản pháp lý cụ thể nào của Nhà nước; chưa có quy định cụ thể về đơn vị chuyên trách đảm nhiệm việc hỗ trợ, xử lý các vấn đề liên quan tới hoạt động Fintech. Các quy định pháp lý hiện hành liên quan tới hoạt động nghiệp vụ của các tổ chức tín dụng chưa cho phép việc áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, đặc biệt là trong lĩnh vực thanh toán.

Hai là, số lượng các doanh nghiệp tham gia vào Fintech chưa nhiều.

Các doanh nghiệp Fintech tại Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn khởi đầu.

HÌNH: TỶ LỆ DÂN SỐ TRÊN 15 TUỔI SỞ HỮU HOẶC SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

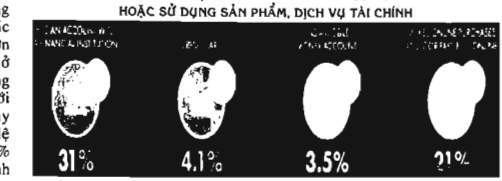

Nguồn: WeAreSocial và Hootsuite (2019)

Hoạt động của Fintech chủ yếu là hoạt động thanh toán. Các dịch vụ tài chính khác, như: quản lý tài sản, quản lý thanh khoản, quản lý danh tính, quản lý đầu tư, quản lý rủi ro, quản lý kinh doanh; bảo hiểm, bảo lãnh phát hành dịch vụ tư vấn tài chính tự động... chưa phát triển mạnh mẽ để đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Ba là, ý thức tiêu dùng sản phẩm Fintech của người dân còn hạn chế cả về thói quen cũng như hiểu biết.

Việc sử dụng tiền mặt trong các giao dịch hàng ngày đã ăn sâu vào tiềm thức và trở thành thói quen của người dân Việt Nam. Do vậy, việc thay đổi thói quen này là một khó khăn không hề nhỏ đối với các doanh nghiệp Fintech.

Hơn nữa, người dân lại chưa có ý thức cao trong việc bảo mật những thông tin quan trọng của bản thân trong quá trình sử dụng dịch vụ. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khách hàng cũng như các tổ chức tài chính cung cấp các dịch vụ Fintech. Đó là chưa kể, việc bảo mật dữ liệu người dùng, đảm bảo an ninh, an toàn cho hệ thống vẫn là những thách thức thường trực đối với các tổ chức tài chính. Các sản phẩm, dịch vụ ngày càng số hóa, người dùng ngày càng sử dụng thiết bị số, kết nối liên tục, đa kênh, đa phương tiện chính là môi trường thuận lợi để tội phạm sử dụng công nghệ cao, tin tặc, kẻ xấu khai thác các yếu điểm, từ đó thực hiện các hành vi gian lận nhằm trục lợi người dùng và xâm nhập hệ thống.

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP

Trên cơ sở phân tích thực trạng, đồng thời chỉ ra những cơ hội, thách thức trong việc phát triển Fintech ở Việt Nam, nhóm tác giả đưa ra một số khuyến nghị, giải pháp nhằm ứng dụng Fintech góp phần thúc đẩy tài chính toàn diện ở Việt Nam như sau:

Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý đối với hoạt động của các công ty Fintech.

Theo đó, cần sớm ban hành khung pháp lý để điều tiết sự phát triển của các phân khúc Fintech. Cần có những nghiên cứu đánh giá về các cơ hội và thách thức mà lĩnh vực Fintech mang lại, cũng như xây dựng một hệ sinh thái Fintech hiệu quả. Đồng thời, các cơ quan quản lý cũng nên xây dựng những chương trình, hoạt động mang tính định hướng giúp các công ty khởi nghiệp, các tổ chức tín dụng chủ động tìm hiểu

về Fintech, đánh giá hiệu quả của những công nghệ mà Fintech triển khai để giúp các tổ chức tín dụng lựa chọn, tìm ra hướng phát triển hiệu quả nhất. Mặt khác, xây dựng khung pháp lý cho phép các công ty Fintech được thử nghiệm các giải pháp Fintech mới trước khi chính thức tung ra thị trường. Giai đoạn thử nghiệm này sẽ giúp duy trì an toàn hệ thống tài chính, an ninh mạng, đồng thời bảo mật dữ liệu, bảo vệ thông tin khách hàng.

Thứ hai, xây dựng chính sách phát triển Fintech gắn với phát triển hệ thống tài chính - ngân hàng và nền kinh tế.

Coi sự phát triển của Fintech gắn liền với đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào lĩnh vực tài chính - ngân hàng là một bộ phận của ngành tài chính - ngân hàng, chịu sự quản lý của ngành nghề đặc thù. Từ đó, tăng cường hợp tác giữa các bên trong việc cung ứng sản phẩm Fintech, tạo điều kiện cho phát triển Fintech ở Việt Nam trong thời gian tới.

Thứ ba, đa dạng hóa sản phẩm và phổ cập kiến thức về Fintech đến người tiêu dùng.

Trên cơ sở phát triển sản phẩm Fintech (chủ yếu là thanh toán và chuyển tiền), cần mở rộng các sản phẩm tiềm năng khác, như: quản lý tài chính, cho vay, tiết kiệm... nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng; đồng thời tăng cường cơ hội tiếp cận tài chính, cơ hội sinh kế cho người dân, giúp hệ thống tài chính luân chuyển dòng vốn đầu tư và tiết kiệm trong xã hội. Các ứng dụng của Fintech nên hướng đến phân khúc khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các dịch vụ nên tập trung vào các hoạt động thanh toán, cho vay, sau đó mới là các doanh nghiệp lớn. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn diện và bền vững.

Thứ tư, thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng công nghệ blockchain, công nghệ sổ cái phân tán... để nhanh chóng áp dụng trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và các lĩnh vực khác do những lợi ích từ công nghệ này là rất lớn.

Ví dụ, các doanh nghiệp Fintech có thể ứng dụng công nghệ blockchain và trí tuệ nhân tạo để xây dựng nền tảng cho vay, từ đó rút ngắn thời gian xét duyệt khoản vay, mở rộng được với những khách hàng không có lịch sử tín dụng, khách hàng ở vùng sâu, vùng xa, nhưng có sử dụng điện thoại di động hay mạng xã hội, từ đó gia tăng mức độ tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ tài chính hơn.

Đồng thời, tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn của các tổ chức quốc tế và hợp tác song phương với các cơ quan quản lý các nước để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm hữu ích trong quản lý các doanh nghiệp Fintech.❑

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo Fintech - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2018). *Báo cáo hoàn thiện hệ sinh thái Fintech Việt Nam*

2. Ban Chỉ đạo Fintech - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2018, 2019). *Báo cáo kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Fintech Việt Nam*

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2019). *Chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, Báo cáo tại Hội nghị "Cải thiện năng suất lao động quốc gia", ngày 07/08/2019

4. Nguyễn Thị Hòa (2017). *Tổng quan về tài chính toàn diện, vai trò của công nghệ số trong thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam*, tham luận tại Hội thảo Banking Vietnam 2017

5. Viện Chiến lược ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2017). *Sơ lược về tài chính toàn diện*

6. Viện Chiến lược ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2018). *Dự thảo về chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2015, định hướng đến năm 2030*

7. Trịnh Ngọc Lan (2019). *Phát triển hệ sinh thái Fintech: bài học kinh nghiệm và đề xuất hướng tới phát triển bền vững tại Việt Nam*, truy cập từ http://thitruongtaichinhtiente.vn/phat-trien-he-sinh-thai-Fintech-bai-hoc-kinh-nghiem-va-de-xuat-nham-huong-toi-phat-trien-ben-vung-tai-viet-nam-23949.html

8. Carbó, S., Gardner, E., & Molyneux, P. (2005). *Financial exclusion*, Springer

9. Leyshon, T. (1995). *Geographies of financial exclusion: financial abandonment in Britain and the United States*, Transactions of the Institute of BritishGeographers New Series, 20, 312-41

10. Nguyen Kim Anh (2017). *The Speech at the SBV Conference "Fintech - The trend of Development and Recommendations"*

11. Solidiance (2018). *Unlocking VietNam' growth potential*, access to https://solidiance.com/insights/white-papers/unlocking-vietnams-Fintech-growth-potential/download?token=gjXgpJ DZwm

12. Tom C. W. Lin (2016). Infinite Financial Intermediation, *Wake Forest Law Review*, 50(643)

13. WeAreSocial, Hootsuite (2019). *Digital 2019: Vietnam*